

# DẠY HỌC MÔN NGHỀ TIN HỌC PHỔ THÔNG CẤP THCS THEO LÝ THUYẾT HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA KOLB

TS. Bùi Văn Hồng - Trường ĐHSP kỹ thuật Tp. HCM

Nguyễn Thị Vân - Trường ĐH Đồng Nai

## SUMMARY

*Mon private vocational high school junior secondary level has equipped with knowledge, basic skills for students, both in career and job oriented courses after high school. The teaching activities are selected according to theoretical learning experience helped the learning process of students always ensure the best fit, the learning process associated with real experience and increase practice time. The experimental results show that this method of teaching has improved the quality and effectiveness of teaching.*

**Keywords:** Learning experience; Vocational information; Secondary school.

**Ngày nhận bài:** 20/03/2015; **Ngày duyệt đăng:** 25/03/2015.

### 1. Đặt vấn đề

Dạy nghề phổ thông (NPT) nói chung và dạy học môn nghề tin học cấp THCS nói riêng vừa có ý nghĩa trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cơ bản cho HS, vừa có ý định hướng việc chọn nghề và bậc học cho HS sau trung học. Việc tổ chức dạy học tốt môn học sẽ tạo động lực học tập và đam mê nghề nghiệp cho HS. Điều này góp phần đáng kể trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS tại các trường phổ thông. Tuy nhiên, cho đến nay, tâm lý xem môn NPT là môn phụ vẫn tồn tại trong phần lớn HS, phụ huynh và ngay cả trong GV. Do đó, trong quá trình dạy học (QTDH), phần lớn GV chưa quan tâm đến việc lựa chọn PPDH phù hợp với đặc điểm môn học và đặc điểm tâm lý HS. Nên chưa kích thích được tính tích cực học tập, dẫn đến chất lượng dạy học chưa cao, chưa đáp ứng được kỳ vọng đặt ra cho môn học. Vì vậy, việc nghiên cứu phát triển PPDH phù hợp với tính chất môn NPT nói chung và môn nghề tin học cấp THCS nói riêng là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Trong những năm gần đây, lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb (1984) đã được vận dụng phổ biến trong dạy học và trong các nghiên cứu phát triển PPDH tích cực. Điển hình như: những định hướng sử dụng PPDH trong các chương trình đào tạo bậc đại học thuộc lĩnh vực kỹ thuật được xây dựng theo tiếp cận CDIO. Năm 2013, xuất phát từ sự khác nhau về trình độ và phong cách học tập (PCHT) của sinh viên trong lớp học thực hành kỹ thuật (THKT), Bùi Văn Hồng đã phát triển tiếp cận linh hoạt trong dạy học THKT làm cơ sở cho việc lựa chọn và sử dụng linh hoạt PPDH nhằm đáp ứng sự khác nhau này. Từ các nghiên cứu trên đây cho thấy, việc vận dụng lý

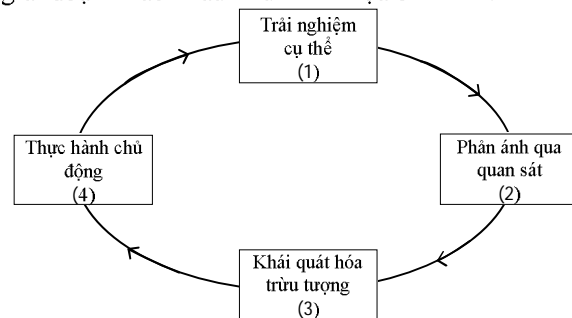
thuyết học tập trải nghiệm (HTTN) của Kolb (1984) đã đem lại hiệu quả cao trong dạy học kỹ thuật. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có những nghiên cứu vận dụng lý thuyết này vào trong dạy học môn NPT nói chung và môn nghề Tin học cấp THCS nói riêng.

Với mục tiêu đề xuất triển khai dạy học môn nghề tin học cấp THCS theo lý thuyết học tập trải nghiệm (HTTN), bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về lý thuyết HTTN trong dạy học, các hoạt động dạy học theo chu trình trải nghiệm, và kết quả thực nghiệm của ví dụ minh họa.

### 2. Lý thuyết HTTN trong dạy học

#### 2.1. Lý thuyết HTTN của Kolb (1984)

Kolb nhấn mạnh sự quan tâm đến quá trình nhận thức bên trong của người học. Theo đó, ông cho rằng: “*Học tập là quá trình mà kiến thức được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm. Kết quả của kiến thức là sự kết hợp giữa năm bất kinh nghiệm và chuyển đổi nó thành kinh nghiệm bản thân*”. Vì vậy, theo Kolb, chu kỳ học bao gồm bốn giai đoạn khác nhau như minh họa ở hình 1.



Hình 1. Mô hình học tập trải nghiệm (Kolb, 1984) [1]

Trong đó:

**Giai đoạn 1.** Trải nghiệm cụ thể, là giai đoạn học tập nhờ vào cảm nhận từ những kinh nghiệm đã có trước đó của người học. Ví dụ: Học từ những kinh nghiệm đặc biệt hoặc tham gia vào các nhiệm vụ gắn liền với thực tiễn.

**Giai đoạn 2.** Phản ánh qua quan sát, là giai đoạn học tập dựa trên sự xem xét kỹ lưỡng một vấn đề nào đó. Ví dụ quan sát phản ánh nhằm kích thích học tập, xem xét vấn đề từ những khía cạnh và hoàn cảnh khác nhau.

**Giai đoạn 3.** Khái quát trừu tượng, là giai đoạn học tập nhờ vào tư duy, bao gồm: phân tích những ý tưởng một cách hợp lý, khái quát công việc để tìm ra ý tưởng hoặc lý thuyết mới.

**Giai đoạn 4.** Thực hành chủ động, là giai đoạn học tập thông qua thực hành tích cực để chuyển hóa nội dung học tập thành kinh nghiệm của bản thân, bao gồm: kiểm nghiệm các ý tưởng mới thông qua thực hành và ứng dụng cho những vấn đề khác, giải quyết vấn đề thông qua hành động.

Tùy thuộc vào trình độ và PCHT của từng cá nhân mà tiến trình học tập của họ có thể được bắt đầu từ *Trải nghiệm cụ thể* hoặc *Phản ánh qua quan sát* và kết thúc ở *Thực hành chủ động*. Đôi khi, một số cá nhân cũng có thể bắt đầu từ *Khái quát hóa trừu tượng* và kết thúc ở *Thực hành tích cực*.

Như vậy, lý thuyết HTTN cho thấy, không phải tất cả HS đều có cùng một tiến trình học tập, nên không có một kiểu dạy duy nhất cho tất cả mọi người học.

## 2.2. Tiến trình dạy học theo lý thuyết học tập trải nghiệm

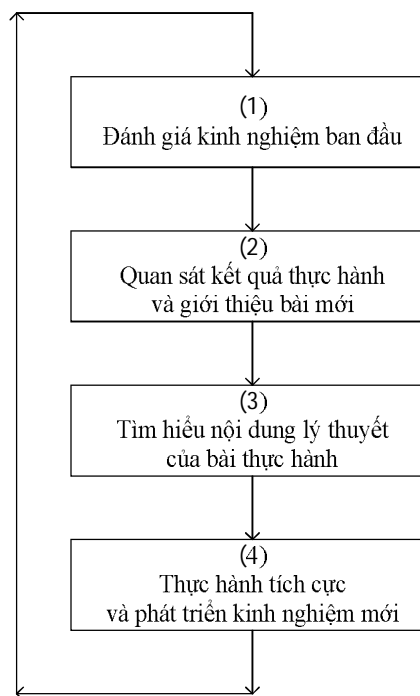
Tiến trình dạy học theo lý thuyết HTTN được minh họa như hình 2.

Trong đó:

(1) GV đặt ra nhiệm vụ thực hành cụ thể; dựa trên kinh nghiệm đã có của bản thân, HS tự tìm kiếm các kiến thức của bài học để hình thành kinh nghiệm ban đầu cho nội dung học tập mới.

(2) Từ hình ảnh, vật thật hay mô hình dạy học dùng để minh họa cho sản phẩm hoặc kết quả học tập theo mục tiêu dạy học; HS chủ động quan sát và liên tưởng đến kinh nghiệm vừa được hình thành, từ đó chủ động lựa chọn và tiếp thu nội dung học tập mới dựa trên kinh nghiệm đó.

(3) HS chủ động yêu cầu GV kiểm tra và điều chỉnh nội dung học tập mới vừa được phát hiện, từ đó củng cố nội dung học tập và xây dựng quy trình thực hành.



Hình 2. Tiến trình dạy học theo lý thuyết học tập trải nghiệm

(4) HS chủ động thực hành theo nhiệm vụ được giao dưới sự kiểm soát của giáo viên để củng cố vững chắc kiến thức và phát triển kỹ năng, từ đó hình thành kinh nghiệm mới.

Tùy thuộc vào kinh nghiệm ban đầu của HS, GV có thể xác định giai đoạn bắt đầu tiến trình học tập của họ tương ứng, cụ thể như sau:

Bắt đầu ở (1) → (2) → (3) và kết thúc ở (4).

Bắt đầu từ (2) hoặc (3) và kết thúc ở (4).

Có thể bắt đầu từ (3) và kết thúc ở (4) hoặc chỉ diễn ra ở (4).

Kinh nghiệm ban đầu của HS được kiểm tra trước khi bắt đầu bài học/khóa học mới.

## 2.3. Đặc điểm của dạy học theo lý thuyết HTTN

- *Tính cá nhân trong dạy học:* khi mục tiêu dạy học đã được xác định, mỗi người học có thể có một tiến trình và phương pháp học tập khác nhau.

- *Tính thực tiễn và khách quan:* quá trình học tập của người học được bắt đầu từ những trải nghiệm thực tế đã được họ tích lũy trước đó. Thông qua quá trình hoạt động trải nghiệm và luyện tập chủ động, người học hình thành các kinh nghiệm mới.

- *Tính ràng buộc và mềm dẻo:* quá trình học tập phải được thực hiện theo đúng trình tự của chu trình.

Tuy nhiên, mỗi người học đều có thể bắt đầu tiến trình học tập tại một giai đoạn bất kỳ tùy theo trình độ của họ.

#### 2.4. Phạm vi vận dụng theo lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học

Từ tiến trình và đặc điểm, lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học có thể được vận dụng phù hợp vào trong các PPDH và hình thức dạy học sau: Dạy học tích hợp; Dạy học thực hành; Dạy học cá nhân; Dạy học linh hoạt theo trình độ, lứa tuổi và đặc điểm nhận thức người học.

### 3. Triển khai dạy học môn nghề tin học cấp THCS theo lý thuyết HTTN

#### 3.1. Đặc điểm nội dung môn nghề tin học cấp THCS

- *Tính thực tiễn*: Nội dung chương trình được xây dựng nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, giúp học sinh có thể vận dụng trong cuộc sống và định hướng chọn nghề, bậc học phù hợp sau trung học.

- *Tính độc lập và hệ thống*: Tính độc lập của nội dung được thể hiện qua nội dung của các bài thực hành, những đơn vị kiến thức và kỹ năng tương đối độc lập, không liên tục và ràng buộc với nhau theo thứ tự. Tuy nhiên vẫn đảm bảo được tính hệ thống của một môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS.

- *Tính trực quan và trừu tượng*: Tất cả nội dung của môn nghề tin học cấp THCS mang tính trực và trừu tượng như các tính chất chung của thông tin các quy luật và phương pháp thu thập, lưu trữ, tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin một cách tự động chính xác qua công cụ là máy tính.

#### 3.2. Kết quả thực nghiệm

a. *Thực nghiệm bài thực hành*: Định dạng kí tự, văn bản trong word

Sau khi học xong bài học này học viên có khả năng:

*Kiến thức*: Giải thích ý nghĩa của việc định dạng văn bản; Trình bày được các nội dung định dạng văn bản cơ bản.

*Kỹ năng*: Thao tác đúng việc định dạng kí tự và định dạng đoạn văn theo mẫu; Soạn thảo được văn bản đơn giản.

*Thái độ*: Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính, người; Phát triển khả năng làm việc nhóm; Hình thành tác phong công nghiệp, làm việc theo quy trình, đúng kế hoạch; Có ý thức vận dụng kiến thức định dạng văn bản vào cuộc sống thực tiễn.

- Tìm hiểu kiến thức lý thuyết của bài thực hành: Cách thức định dạng kí tự và định dạng đoạn văn bản theo mẫu; Soạn thảo được văn bản đơn giản; - Thực hành: Tạo được văn bản “Chương trình tổng kết năm học” theo quy trình.

\* Quy trình thực hành

STT	Quy trình thực hành Tạo văn bản Chương trình tổng kết năm học
1	Mở máy, khởi động Word, soạn thảo văn bản.
2	Định dạng ký tự: - Chọn phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ - Chèn ký tự
3	Định dạng văn bản: - Căn chỉnh lề và khoảng cách lề - Chọn khoảng cách giữa các đoạn - Thiết lập các điểm dừng - Tạo chữ cái lớn đầu đoạn - Kẻ đường biên và tạo màu cho đoạn văn - Tạo danh sách khoản mục dạng kí hiệu và số thứ tự
4	Kiểm tra lỗi
6	Hoàn thiện văn bản

\* Hoạt động dạy học: Các hoạt động dạy học được thực hiện theo tiến trình sau: (1) Đánh giá kinh nghiệm ban đầu; (2) Giới thiệu bài mới; (3) Tìm hiểu kiến thức lý thuyết và xây dựng quy trình thực hành; (4) Thực hành tích cực phát triển kinh nghiệm mới.

Hoạt động 1: Đánh giá kinh nghiệm ban đầu

1. GV đặt các câu hỏi kiểm tra kinh nghiệm của HS về soạn thảo; 2. HS trả lời các câu hỏi trên của GV; 3. GV nhận xét câu trả lời của HS và phân nhóm HS theo kinh nghiệm; 4. HS chia nhóm theo phân công của GV.

Hoạt động 2: Giới thiệu bài mới: 1. GV cung cấp cho HS một văn bản đã được định dạng sẵn; 2. Các nhóm nhận mẫu văn bản từ giáo viên; 3. GV hướng dẫn quan sát văn bản và hình thức văn bản đó và đặt câu hỏi về cách thức soạn thảo, định dạng văn bản; 4. HS quan sát, thảo luận và lần lượt trả lời các câu hỏi của GV; 5. GV nhận xét câu trả lời và đặt ra nhu cầu cho HS soạn thảo văn bản “Chương trình tổng kết năm học”; 6. HS xác định nhu cầu; 8. GV cung cấp mục tiêu và xác định nhiệm vụ học tập của từng nhóm.

Hoạt động 3: Tìm hiểu kiến thức lý thuyết và xây dựng quy trình thực hành: 1. GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập đã được xác định; 2. HS đọc tài liệu học tập, thảo luận về nội dung lý thuyết và qui trình thực hành; 3. GV hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm soạn thảo văn bản,

định dạng văn bản và quy trình soạn thảo văn bản; 4. HS báo cáo lý thuyết và quy trình thực hành; 5. GV góp ý chỉnh sửa quy trình cho từng nhóm.

Hoạt động 4: Thực hành tích cực phát triển kinh nghiệm mới: 1. GV yêu cầu HS luyện tập “Chương trình tổng kết năm học” theo quy trình đã được xây dựng; 2. HS luyện tập theo quy trình mà các nhóm đã tự xây dựng; 3. GV hướng dẫn HS các thao tác định dạng văn bản cho HS; 4. HS trình bày sản phẩm thực hành; 5. GV kiểm tra và nhận xét kết quả của HS và góp ý chỉnh sửa cho từng HS; 6. HS tiếp thu ý kiến của GV và chỉnh sửa sản phẩm.

\* Củng cố và kiểm tra: 1. GV nhận xét quá trình thực hành của HS và nhắc lại kiến thức quan trọng; 2. HS trao đổi những thắc mắc của GV; 3. GV giải đáp những thắc mắc của HS và hệ thống lại lý thuyết, cung cấp qui trình mẫu của bài thực hành; 4. GV kiểm tra kiểm tra kết quả học tập của HS nhằm đánh giá mức độ hình thành kinh nghiệm mới; 5. GV phân nhóm HS theo trình độ dựa vào kết quả kiểm tra và bồi dưỡng những HS có kết quả kiểm tra thấp.

#### b. Đánh giá thực nghiệm

Tiến hành thực nghiệm có đối chứng trên 30 HS của lớp thực nghiệm (TN) và 31 HS của lớp đối chứng (ĐC). Tất cả đều là HS lớp 9 trường THCS Long Thọ, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình thực nghiệm được tiến hành hai lần và đánh giá mức độ đạt được mục tiêu dạy học của sinh viên các lớp TN và ĐC dựa vào điểm số tích lũy, từ đó tính trung bình phần trăm so với thang điểm tối đa (thang điểm 10). Kết quả tính điểm số trung bình phần trăm của các lớp TN và ĐC qua hai lần thực nghiệm được minh họa ở bảng sau:

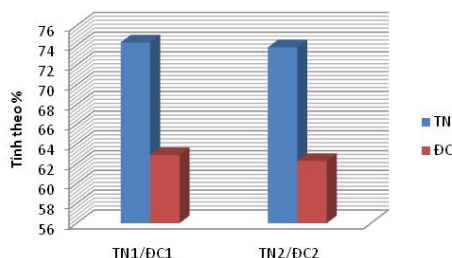
Bảng. Điểm trung bình phần trăm của lớp TN và ĐC (tính theo %)

TN1	TN2	ĐC1	ĐC2
74.3	73.8	62.9	62.3

Từ kết quả tính điểm trung bình phần trăm như trên, mức độ đạt mục tiêu dạy học của các lớp TN và ĐC được so sánh như ở hình 3.

Nhận xét: Theo đồ thị so sánh ở hình 3, cả hai lần thực nghiệm, điểm số trung bình phần trăm theo thang điểm 10 của lớp TN luôn cao hơn ĐC. Kết quả này cho thấy, mức độ đạt mục tiêu dạy học của các HS lớp TN cao hơn lớp ĐC. Trong đó:

- Các tiến trình học tập được lựa chọn phù hợp với kinh nghiệm ban đầu của HS, đảm bảo được tính vừa sức, nên kích thích được tính tích cực trong học tập.



Hình 3. Đồ thị so sánh mức độ đạt mục tiêu dạy học

- Quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh được tiến hành thông qua các trải nghiệm thực tế, tạo động lực học tập và tăng cường thời gian luyện tập, giúp HS đạt được kết quả học tập tốt.

#### 5. Kết luận

Từ chu trình học tập trải nghiệm, nhóm tác giả đã xây dựng được tiến trình học tập phù hợp với kinh nghiệm và trình độ của học sinh. Từ đặc điểm của nội dung môn nghề tin học phổ thông cấp THCS cho thấy vận dụng lý thuyết HTTN vào triển khai dạy học môn học này là phù hợp.

Kết quả thực nghiệm bước đầu cho thấy dạy học môn nghề tin học phổ thông cấp THCS luôn đảm bảo được tính vừa sức, nên kích thích được tính tích cực trong học tập. Các hoạt động học tập của HS luôn gắn liền với trải nghiệm thực tế và thực chủ động, giúp HS đạt được kết quả học tập tốt nhất. Như vậy, dạy học môn nghề tin học cấp THCS bước đầu cho thấy, HS đạt được mục tiêu dạy học ở mức cao và đồng đều. Do đó, chất lượng và hiệu quả dạy học được nâng cao.

#### Tài liệu tham khảo

1. DNP (2002). Learning Styles: Kolb's Theory of Experiential Learning, *Trinity College, Dublin*. <http://www.scss.tcd.ie/>.
2. Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phương, Đồng Thị Bích Thủy (2010). *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO*. NXB Đại học quốc gia Tp. HCM.
3. Bùi Văn Hồng (2013). *Dạy học thực hành kỹ thuật tại trường ĐH Sư phạm kỹ thuật theo tiếp cận linh hoạt*. Luận án tiến sĩ, trường ĐH Sư phạm Hà Nội, 04/2013.
4. Bui Van Hong (2014). *Flexible Planning for The Provision of learning content based on student need*, *Journal of Science of HNUE, Interdisciplinary Science*, Vol. 59, No. 5 (2014), pp. 42-46.